

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LƯƠNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 27/06/2025
V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG - TỈNH THÁI NGUYÊN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chuyên-Bà Đỗ Thanh Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyền-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Hồng Loan - chức vụ Kiểm sát viên

Trong các ngày 19 và ngày 27 tháng 6 năm 2025 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 181/2024/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 09/5/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Âu Thị P, sinh năm 1990

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982;

Cùng nơi thường trú: Xóm H, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Chị P có mặt, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 23/10/2024 và bản tự khai, biên bản hoà giải nguyên đơn chị Âu Thị Phương trình B:

Chị và anh Nguyễn Văn T được tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào tháng 01 năm 2009 tại UBND xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng gia đình anh T ở xóm H, xã Y, huyện P, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã từ những lý do khác nhau, anh T ham chơi, không quan tâm đến vợ con, chị cũng đã bỏ đi làm ăn một thời gian, nhưng nghĩ thương con và được hai bên gia đình đã hòa giải, khuyên bảo nên chị đã quay về đoàn tụ nuôi dạy con cái. Đến năm 2022, chị xây nhà ra Phố Trào, xã Y để vợ chồng cùng quan tâm chăm sóc con, tuy nhiên anh T không thay đổi, không quan tâm đến gia đình, dẫn đến vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn triền miên về kinh tế và tình cảm từ đó anh T đi làm cũng thỉnh thoảng mới về, đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Trí T1, sinh ngày 20/01/2010 và Nguyễn Trọng T2, sinh ngày 21/6/2017 hiện con chung đang ở với chị, nguyện vọng sau khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con với mức 1.500.000 đồng/ tháng/một con chung.

Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai và phiên hòa giải ngày 02/12/2024 anh T trình bày: Anh xác nhận về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình kết hôn như chị P trình bày, đối với lý do chị P xin ly hôn anh không có ý kiến phản đối đồng thời xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ, một phần lỗi do anh, mong chị P đóng góp ý kiến để anh rút kinh nghiệm và không nhất trí ly hôn, mong muốn chị P rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do không nhất trí ly hôn nên anh không đưa ra quan điểm giải quyết.

*Cháu Nguyễn Trí T1, sinh ngày 20/01/2010 và cháu Nguyễn Trọng T2, sinh ngày 21/6/2017 trình bày: các cháu có bố là Nguyễn Văn T, mẹ Âu Thị P mặc dù bố mẹ ở cùng nhà nhưng không ở cùng phòng, bố thường đi làm xa, khoảng một hoặc hai tháng mới về nhà, khi về thì mẹ lại sang phòng của các cháu ngủ. Bố, mẹ xảy ra xích mích, cãi vã nhiều hơn từ khi gia đình chuyển ra nhà đang ở hiện nay, hai anh em đều có nguyện vọng ở với mẹ, do mẹ quan tâm chăm sóc thường xuyên hơn.

Tại các Biên bản làm việc về việc giao nhận văn bản tố tụng đối với bà Nguyễn Thị T3 (mẹ đẻ anh T) đều xác định đã thông báo cho anh T về các Thông báo tố tụng cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như quyết định hoãn phiên tòa tuy nhiên anh T xác định không nhất trí ly hôn và không tham dự phiên tòa. Đồng thời, bà Nguyễn Thị T3 xác định: Anh T đi làm Công ty ở Sông C thỉnh thoảng vẫn về, anh T vẫn ở với vợ con nhưng có cùng hộ khẩu với ông bà, chị P và anh T kết hôn năm 2009 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn có ở chung cùng ông, bà được 06 tháng thì cho ra ở riêng, đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông bà đều mong muốn chị P rút đơn về đoàn tụ cùng anh T để nuôi dạy con trưởng thành. Trường hợp chị P cương quyết xin ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị P giữ nguyên quan điểm khởi kiện

Đại diện Viện kiểm sát huyện P phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp hành đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39, các Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 117

Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị hội đồng xét xử giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Âu Thị P. Cho chị P được ly hôn anh Nguyễn Văn T; Giao 02 con chung là Nguyễn Trí T1, sinh ngày 20/01/2010 và Nguyễn Trọng T2, sinh ngày 21/6/2017 cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con với mức 1.500.000 đồng/tháng/con. Về tài sản chung, nợ chung không giải quyết do các đương sự không có yêu cầu. Về án phí chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T, có nơi thường trú tại xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T, nhưng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết nên vụ án không tiến hành hòa giải được, căn cứ vào khoản 3 Điều 203, Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định đưa vụ án ra xét xử. Sau khi ngừng phiên tòa để thu thập chứng cứ, anh Nguyễn Văn T có đơn đề nghị xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xét chị Âu Thị P và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện P trên cơ sở tự nguyện đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Qua lời khai đã thu thập có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy: giữa chị P và anh T trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống, không ai quan tâm đến ai, kể từ khi chị P làm đơn ly hôn mặc dù anh T mong muốn đoàn tụ nuôi dạy con cái tuy nhiên không quan tâm chia sẻ mọi công việc của gia đình cũng như con cái, không thương yêu quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, sống bỏ mặc vợ, con. Do đó, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T trong tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả 2 bên cần chấp yêu cầu khởi kiện, cho chị P được ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị P và anh T có 02 con chung đều chưa đủ tuổi 18 tuổi, chị P có nguyện vọng nuôi con, yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: hiện cả 02 con chung đều đang sinh sống cùng chị P, các con chung có nguyện vọng ở cùng mẹ, chị P kinh doanh tự do, có thu nhập và chỗ ở ổn định, anh T thường xuyên làm xa nhà nên việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con không thường xuyên, để đảm bảo sự ổn định, hạn chế

sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của các con. HĐXX giao hai con chung cho chị Âu Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là đảm bảo được quyền lợi mọi mặt cho các con, phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Người không trực tiếp nuôi con được quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con và thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con với mức 1.500.000 đồng/tháng/1con, anh T không đưa ra quan điểm về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, xét yêu cầu của chị P thấy: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”, do đó để anh T có trách nhiệm trong việc nuôi dạy con cái Hội đồng chấp nhận đề nghị của chị P, buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con theo quy định. Về mức cấp dưỡng: Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 04/2024/NQ- HĐTP ngày 12/6/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định “*Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con*”, theo Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng tại huyện P là 3.860.000 đồng/tháng, do đó với yêu cầu của chị P là thấp so với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do chị P chỉ yêu cầu với mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng/một người con nên HĐXX tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự và chấp nhận yêu cầu về mức cấp dưỡng của chị P. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ ngày 01/7/2025.

[6].Về tài sản chung: Chị Âu Thị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7].Về công nợ chung: Tại phiên tòa ngày 19/6/2025 chị P xác định vợ chồng có nợ tiền xây nhà của mẹ chồng (bà T3) và nợ Ngân hàng N đồng thời vợ chồng đã thỏa thuận về anh T có nghĩa vụ trả nợ cho bà T3, chị P có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Xét thấy: Tại phiên tòa bà T3 xác nhận trình bày của chị P về việc bà có cho vay tiền để làm nhà vợ chồng thỏa thuận anh T có nghĩa vụ trả nợ cho bà, do đó bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ngày 20/6/2025 chị P nộp 01 văn bản thỏa thuận viết tay giữa chị và anh T đề ngày 25/5/2025 về việc thống nhất thỏa thuận vợ chồng về người có nghĩa vụ trả nợ và thỏa thuận về tài sản. Tại Công văn số 287/NHN_o.PL-HK ngày 25/6/2025 của Ngân hàng N chi nhánh P1 xác định chị Âu Thị P và anh Nguyễn Văn T có ký hợp đồng vay vốn, Ngân hàng đồng ý để chị Âu Thị P tiếp tục trả nợ gốc, lãi tại A theo đúng cam kết. Tại thời điểm hiện tại, A không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ trên của chị Âu Thị P và anh Nguyễn Văn T

Từ những nhận định trên, HĐXX không xem xét phần nợ chung của anh T, chị P do các đương sự không yêu cầu.

[8] Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[9] Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp được chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Âu Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Âu Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung:

2.1 Giao 02 con chung là Nguyễn Trí T1, sinh ngày 20/01/2010; Nguyễn Trọng T2, sinh ngày 21/6/2017 cho chị Âu Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật

2.2 Anh Nguyễn Văn T được quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con và thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Trí T1, sinh ngày 20/01/2010; Nguyễn Trọng T2, sinh ngày 21/6/2017 với số tiền là 1.500.000 đồng/tháng/một người con (tổng số tiền cấp dưỡng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng/ tháng) kể từ tháng 01/7/2025 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

2.4 Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng cho con chung.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357,

Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung: Chị Âu Thị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về công nợ chung: các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Âu Thị P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004746 ngày 05/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương. Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

7. Quyền kháng cáo: Chị Âu Thị P có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Lương;
- THADS huyện Phú Lương;
- UBND xã Yên Đỗ, huyện Phú Lương;
- Đương sự;
- Lưu: HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Bích Hiền